

Số: 108/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 210, khoản 3 Điều 211, Điều 212, Điều 213, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1107/2020/HNST ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: 85/2 Nguyễn Hồng Đào, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Nguyễn Đức A**, sinh năm 1987. Địa chỉ: 85/2 Nguyễn Hồng Đào, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2010/P14 ngày 15/3/2010 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A là vợ chồng hợp pháp. Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A; Về con chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Quốc M, sinh ngày 07/10/2010 cho ông Nguyễn Đức A trực tiếp nuôi

dưỡng, giao trẻ Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 05/4/2015 cho bà Trần Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

- + Giao trẻ Nguyễn Quốc M, sinh ngày 07/10/2010 cho ông Nguyễn Đức A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với bà Trần Thị Minh T do ông Nguyễn Đức A không có yêu cầu.

- + Giao trẻ Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 05/4/2015 cho bà Trần Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với ông Nguyễn Đức A do bà Trần Thị Minh T không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A khai không có.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A khai không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Minh T và ông Nguyễn Đức A tự nguyện nộp, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đương sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0068923 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND P.A, Q.B, Tp. HCM;
- (GCNKH số 29, quyền số 01/2010/P14
ngày 15/3/2010)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Trí